Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 18.05.2026 19:40:43 +07:00

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1122/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương (tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Bộ (Phòng THCC);
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐCK.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng

СОЮЗ
ПИСАТЕЛЕЙ

PHỤ LỤC

Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương

(Ban hành kèm Quyết định số 1122 /QĐ-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp Trung ương				
1	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương
2	Thủ tục thực hiện điều chỉnh hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp Trung ương				
3	Thủ tục thực hiện chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình triển khai	Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

Lĩnh vực Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương

I. Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trình tự thực hiện

- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, trang thông tin điện tử của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và các trang thông tin điện tử khác (nếu có).

- Tổ chức, doanh nghiệp căn cứ Thông báo nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo;

- Việc xét tài trợ, đặt hàng được thông qua hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (sau đây gọi tắt là hội đồng) và/hoặc ý kiến của các chuyên gia phản biện;

- Trên cơ sở biên bản họp hội đồng, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất;

- Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo;

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Tổ thẩm định;

- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất.

- Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo;

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp căn cứ Thông báo nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Nộp đăng ký ban đầu:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ: Biểu mẫu BM-09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT- BKHCN

- Thuyết minh nhiệm vụ: Biểu mẫu BM-10 hoặc BM-11 đối với chuỗi nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì.

- Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ: Biểu mẫu BM-12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT- BKHCN.

- Các tài liệu khác... (tùy thuộc loại hình nhiệm vụ).

b) Hoàn thiện sau họp Hội đồng

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng: Biểu mẫu BM-13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Thuyết minh nhiệm vụ đã được chỉnh sửa.

- Dự toán kinh phí chi tiết (không quá 05 trang).

c) Hoàn thiện sau thẩm định kinh phí

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí (BM-14).

- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã hoàn thiện (Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành xem xét tài trợ, đặt hàng;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo;

- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất;

- Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo, tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ;

- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất.

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo, tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ.

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Biểu mẫu BM-17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN).

8. Phí, lệ phí

Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Thuyết minh tổng quát chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) đề nghị xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau: có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5.

2. Tổ chức không được xem xét đặt hàng hoặc tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức đó chủ trì theo quy định của pháp luật;

b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa hoàn trả đủ kinh phí phải thu hồi theo quyết định/văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ do có hành vi vi phạm pháp luật;

d) Tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động, bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị kỷ luật, bị khởi tố.

3. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phê duyệt theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng cần chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả và mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên.

4. Ngoài quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5, tổ chức đề nghị xét tài trợ hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước còn phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền quản lý loại hình nhiệm vụ đó quy định (nếu có) được quy định tại Điều 6 đến Điều 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;
- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

BM-09

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN TỔ CHỨC** **ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST)

Căn cứ kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của …, chúng tôi đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ với các thông tin sau:

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ[1]: .....

Thuộc lĩnh vực:

Khoa học tự nhiên	☐	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	☐
Khoa học y, dược	☐	Khoa học nông nghiệp	☐
Khoa học xã hội	☐	Khoa học nhân văn	☐
Công nghệ chiến lược	☐		

2. Loại hình nhiệm vụ[2]:

2.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ[3]:

- Nghiên cứu cơ bản	☐	Nghiên cứu ứng dụng	☐
- Phát triển công nghệ	☐	Phát triển giải pháp xã hội	☐

2.2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế ☐

2.3. Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ ☐

3. Hình thức triển khai

3.1. Nhiệm vụ: ☐
- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

3.2. Cụm nhiệm vụ: ☐
- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

3.3. Chuỗi nhiệm vụ[4]: ☐

---

[1] Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: liệt kê tên các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ.

[2] Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: có thể lựa chọn các loại hình phù hợp với các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[4] Yêu cầu có Thuyết minh tổng quát theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (Biểu mẫu BM-07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

4. Hình thức xét: ☐ Tài trợ ☐ Đặt hàng

5. Tổ chức chủ trì[5]:

Tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: ..... Website: .....

6. Người đại diện theo pháp luật

Họ tên: ..... Chức vụ: .....

6.1. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

6.2. Thông tin về tổ chức đề xuất

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

7. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ[6]:

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[7] ☐
- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng[8] ☐
- Không thuộc hai trường hợp trên ☐

Họ tên: ..... Học hàm, học vị: .....

Đơn vị công tác: ..... Email: ..... Điện thoại: .....

Lý lịch cá nhân đăng ký chủ nhiệm:

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: .....%.
- Ngoài ngân sách nhà nước[9]: .....%.

9. Thời gian thực hiện: ..... tháng (*từ* ..... *đến* .....)

---

[5] Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

[6] Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các cá nhân chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

[7] Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

[8] Quy định tại Điều 55 Luật KH,CN&ĐMST năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

9 Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

10. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025*):

.....

11. Cam kết của đơn vị chủ trì về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin được cung cấp tại thuyết minh nhiệm vụ (*kèm theo*): .....

12. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thuộc cụm/chuỗi *(nếu có)* .....[10]

..., ngày ... tháng ... năm 20 ...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC[11]

ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH,CN&ĐMST

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

[10] nêu rõ mối liên kết giữa các nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu chung của chuỗi hoặc giải quyết chung một vấn đề của cụm…

[11] Đối với cụm nhiệm vụ: ngoài đơn chung của cụm, cần có đơn đại diện của từng nhiệm vụ thuộc cụm.

BM-10

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[12]

1. **Tên nhiệm vụ/nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo** .....

2. Loại hình và hình thức triển khai[13]

3. Thời gian thực hiện: ..... tháng (*từ* ..... *đến* .....)

4. Tổng kinh phí đề xuất: ..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: .....%.
- Ngoài ngân sách nhà nước[14]: .....%.

5. Đề nghị phương thức khoán chi

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán chi từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: .....triệu đồng - Kinh phí không khoán: .....triệu đồng

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[15] ☐
- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng[16] ☐
- Không thuộc hai trường hợp quy định ở trên ☐

Họ và tên: .....Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp[17]: ..... Chức vụ .....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

---

[12] Ngoài các quy định chung tại biểu mẫu này, đối với các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; các nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ thực hiện theo hình thức liên kết, hợp tác công tư, thuyết minh cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể quy định tại khoản 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[13] Ghi theo đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

14 Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[15] Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

[16] Theo quy định tại Điều 55 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[17] Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ[18]

7.1. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Mã số tổ chức:

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

7.2. Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì

- Nêu tóm tắt các kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu (*không quá ½ trang A4*): .....
- Đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (*Trình bày năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ chính, không quá 01 trang A4*):

8. Các tổ chức phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

8.1. Tên tổ chức 1:

Mã số tổ chức:

Điện thoại:

Địa chỉ:

8.2. Tên tổ chức 2:

Mã số tổ chức:

Điện thoại:

Địa chỉ:

9. Tính cấp thiết (*Luận giải chi tiết về tính cấp thiết của nhiệm vụ*)

10. Mục tiêu (*Mục tiêu chung/mục tiêu cụ thể*)

11. Nội dung và phương pháp thực hiện (*Liệt kê các nội dung, công việc chính của nhiệm vụ, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu hoặc hoạt động sản xuất thử nghiệm (nếu có)...)*

12. Kết quả dự kiến

(Kết quả/sản phẩm chính dự kiến đạt được của nhiệm vụ và yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt)

12.1. Công bố khoa học

Số TT	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác	Số lượng	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Trong nước			
…				
2	Quốc tế			
…				

12.2. Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); quy hoạch; luận

[18] Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

chứng kinh tế-kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo tư vấn chính sách và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1			
...			

12.3. Mẫu (model, maket); sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi và các loại khác.

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1						
...						

12.4. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các loại hình khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1			
...			

12.5. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học (nếu có)

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1				
...				

13. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu *(Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nhiệm vụ; khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có))*

.....

14. Dự kiến hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ

14.1. Đánh giá về dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ[19]*:*

14.2. Đánh giá về dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ[20]*:*

15. Dự toán kinh phí thực hiện

(Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

---

[19] Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

[20] Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

STT	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi														
			Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Thù lao thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia (*nếu có*)***	**Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật***	**Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản***	**Công tác tổ chức, tham gia hội nghị***	**Dịch vụ thuê ngoài**	**Điều tra, khảo sát thu thập số liệu**	**Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn**	**Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế**	**Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài**	**Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ**	**Công tác quản lý chung nhiệm vụ (*bằng 5% tổng kinh phí thực hiện*)**	**Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ**
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**
	Tổng kinh phí														
	Trong đó:														
1.1	*Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi:*														
1.2	*Nguồn ngoài ngân sách nhà nước*														

* *Quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ*

16. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát

(xác định, phân tích, đánh giá mức độ tác động và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát, ứng phó đối với các loại rủi ro có thể xảy ra theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025): .....

Chủ nhiệm nhiệm vụ **(Ký, ghi rõ họ tên)**	**Đại diện tổ chức chủ trì** **(Ký tên, đóng dấu)**

BM-11

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG QUÁT CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[21]

(Không quá 10 trang A4)

1. Tổ chức chủ trì chuỗi nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: .....

Mã số tổ chức: .....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

2. Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.1. Tên chuỗi nhiệm vụ: .....

2.2. Mục tiêu: .....

2.3. Dự kiến kết quả: .....

3. Nhiệm vụ thành phần thuộc chuỗi nhiệm vụ

3.1. Tên nhiệm vụ thành phần 01: .....

- Mục tiêu: .....

- Dự kiến kết quả: .....

3.2. Tên nhiệm vụ thành phần 02: .....

- Mục tiêu: .....

- Dự kiến kết quả: .....

3.3. Tên nhiệm vụ thành phần 03: .....

- Mục tiêu: .....

- Dự kiến kết quả: .....

---

[21] Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 và khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

4. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thành phần nhằm đạt được mục tiêu chung của chuỗi nhiệm vụ bao gồm thời gian, tiến độ thực hiện: .....

5. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (*dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.*): .....

6. Khả năng thương mại hóa (*chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn*): .....

7. Dự kiến hiệu quả và tác động (*đối với phát triển KH,CN&ĐMST; tác động đến ngành/lĩnh vực kinh tế – xã hội, môi trường, an ninh – quốc phòng, hội nhập quốc tế ...*): .....

8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: .....%.
- Ngoài ngân sách nhà nước[22]: .....%.

Đại diện tổ chức chủ trì
(Ký tên, đóng dấu)

---

22 Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-12

VĂN BẢN CAM KẾT PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[23]

Kính gửi: (*Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST*)

- Căn cứ thông báo kế hoạch tài trợ/đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của …;

- Căn cứ đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ KH,CN&ĐMST;

Chúng tôi gồm các bên dưới đây thống nhất ký Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ:

1. Tổ chức đăng ký chủ trì: ……

2. Tổ chức phối hợp/đồng tài trợ[24]:……

3. Nội dung cam kết phối hợp/đồng tài trợ:

- Đối với cam kết phối hợp: (*nêu rõ các hoạt động phối hợp)*

- Đối với cam kết về đồng tài trợ: (*cần có hợp đồng tài trợ, minh chứng về tài chính*).

Các bên cam kết thực hiện đầy đủ nội dung phối hợp/đồng tài trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của thông tin.

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ	**TỔ CHỨC PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ[25]**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)*

---

[23] Quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[24] Liệt kê tên các tổ chức đồng tài trợ (trường hợp có nhiều tổ chức).

[25] Trường hợp có nhiều tổ chức đồng tài trợ, các tổ chức đồng tài trợ cùng ký và xác nhận.

BM-13

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(*Áp dụng đối với phiên họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*[26])

Kính gửi: "*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*"

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-..... ngày ... tháng ... năm 20... về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày ... tháng ... năm ...;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác[27] (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến kết luận tại Biên bản họp Hội đồng	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...	....		

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

[26] Quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (*Ghi đầy đủ tên của báo cáo giải trình, tiếp thu phù hợp với tên của phiên họp*).
[27] Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng thì giải trình.

BM-14

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(*Áp dụng đối với phiên họp Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ*)

Kính gửi: "*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*"....

Căn cứ Quyết định số ……./QĐ-…… ngày…..tháng…..năm 20… về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo';

Căn cứ Biên bản họp thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày.... tháng....năm……;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác[28] (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến tại Biên bản họp thẩm định	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
	....		

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

[28] Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của Tổ thẩm định thì giải trình.

BM-15

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

(Biểu mẫu này được hoàn thiện và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi[29]	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước[30]								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ …		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ..
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	…	…				
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ													
2	Thuê chuyên gia: - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật													
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản													

[29] Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ

[30] Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP)

5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị													
6	Dịch vụ thuê ngoài													
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu													
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn													
9	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế													
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ													
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài													
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ													
13	Công tác quản lý chung nhiệm vụ													
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ													
	Tổng cộng													

DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 1: Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung	Số tháng quy đổi	Đơn giá theo định mức*	Thành tiền	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	**Nội dung 1**					
	Thành viên*					
	.....					
2	**Nội dung 2**					
	Thành viên*					
	.....					
...	...					

* Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và định mức theo quy định tại Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn một số một số nội dung về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bảng 2. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức thù lao tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
…									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
…									

Bảng 3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Tổng số	**Các căn cứ xây dựng định mức** *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác ...)*
1	**Nội dung 1:**				
2	**Nội dung 2:**				
…	…				

Bảng 4. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách Nhà nước	Ngoài Ngân sách Nhà nước
I	**Thuê thiết bị** (*ghi tên thiết bị, thời gian thuê*)					
	……					
II	**Thiết bị công nghệ mua mới**					
	……					

III	**Vận chuyển lắp đặt**					
IV	**Bảo dưỡng, sửa chữa**					
Cộng						

Bảng 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung**	**Kinh phí**	**Nguồn vốn**										**Các căn cứ xây dựng định mức** *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác ...)*
			Ngân sách nhà nước						**Ngoài ngân sách nhà nước**				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ …	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ …	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
1	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ												
2	Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												

3	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												
4	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												
5	Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế												
6	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ												
7	Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ												
8	Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ												
9	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ												
	Cộng:												

II. Thủ tục thực hiện điều chỉnh hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh kèm theo hồ sơ liên quan đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản đề nghị bổ sung tài liệu minh chứng có liên quan đến các nội dung điều chỉnh;

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể tham vấn chuyên gia, tổ chức hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các bên liên quan;

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh (hoặc bổ sung tài liệu minh chứng), cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc bằng quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh.

1.2. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai:

- Tổ chức chủ trì lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định kèm theo công văn đề nghị gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đến tổ chức chủ trì. Sau khi nhận được văn bản thông báo tạm dừng của cơ quan quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ.

- Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

- Văn bản thông báo về kết quả đánh giá được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời gian không quá 45 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ.

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Kết quả đánh giá nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp gửi văn bản đề xuất điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất điều chỉnh theo biểu mẫu BM-21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và hồ sơ liên quan (nếu có).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Tối đa 15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản điều chỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh theo biểu mẫu BM-22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

8. Phí, lệ phí

Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-21 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

BM-21

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có) **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ..... V/v:	*..., ngày ... tháng ... năm 20....*

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: (*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ :.....

Mã số nhiệm vụ:..... ... .Số hợp đồng:.....ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày … đến ngày ….

Kinh phí được tài trợ/cấp: .....

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ

- Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ tại Biên bản số … ngày …/…/… của Đoàn đánh giá trong kỳ (*theo khoản 2 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP*);

- Căn cứ khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định về việc đề nghị điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

- Căn cứ tình hình thực tế triển khai và khả năng hoàn thành các mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

(Đánh dấu và ghi rõ nội dung cần điều chỉnh)

☐ Thay đổi nội dung nghiên cứu: .....

☐ Điều chỉnh tiến độ thực hiện: từ .../.../... đến .../.../... (*gia hạn thêm ... tháng*).

☐ Điều chỉnh cơ cấu kinh phí / nội dung chi: .....

☐ Điều chỉnh khác: .....

Lý do điều chỉnh: .....

Phương án tổ chức thực hiện sau điều chỉnh: .....

IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Biên bản đánh giá trong kỳ (nếu có) (biểu mẫu BM-20);

2. Báo cáo tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ (biểu mẫu BM-19);

3. Bản thuyết minh nội dung đề nghị điều chỉnh;

4. Các tài liệu, minh chứng liên quan.

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

- Việc đề nghị điều chỉnh tuân thủ quy định tại khoản 6, 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- ……

Tổ chức chủ trì
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. Thủ tục thực hiện chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình triển khai

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức chủ trì lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định kèm theo công văn đề nghị gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đến tổ chức chủ trì. Sau khi nhận được văn bản thông báo tạm dừng của cơ quan quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ.

- Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

- Văn bản thông báo về kết quả đánh giá được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời gian không quá 45 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ.

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Kết quả đánh giá nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp gửi văn bản đề xuất chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT- BKHCN và Hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ (gồm: Nhật ký nhiệm vụ (nhật ký thí nghiệm, nhật ký sử dụng vật tư, nguyên vật liệu), tài liệu chứng minh quá trình thực hiện nhiệm vụ; Tài liệu xác nhận và minh chứng liên quan đến kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ (công bố, xuất bản, đào tạo, kết quả kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm, chuyển giao kết quả); Số liệu điều tra, khảo sát, phân tích và các tài liệu chuyên môn liên quan (nếu có); Báo cáo tài chính, tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế: hồ sơ, tài liệu cần có báo cáo đánh giá của đối tác về quá trình, kết quả và triển vọng hợp tác trong tương lai; báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm đề nghị chấm dứt; báo cáo sản phẩm (nếu có); tài liệu khác có liên quan (nếu có) gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Tối đa 75 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT- BKHCN

8. Phí, lệ phí

Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá

đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

BM-24

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có) **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ..... V/v:	*...., ngày... tháng.... năm 20....*

ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: *(tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên Nhiệm vụ :.....

Mã số Nhiệm vụ (nếu có) :.....Số hợp đồng:.....ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ: .....

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày … đến ngày ….

Tình hình sử dụng kinh phí: .....

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ…[31]

III. NỘI DUNG

1. Nêu rõ nội dung đề nghị: .....

2. Đề xuất phương án xử lý sau chấm dứt: .....

IV. HỒ SƠ KÈM THEO: ….[32]

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

1. Về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp;

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bàn giao, thanh lý và hoàn trả theo quy định tại Điều 19 Nghị định 267/2025/NĐ-CP;

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung đề nghị.

Tổ chức chủ trì
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[31] Quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.
[32] Quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.